

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2022

DANH SÁCH THI HỌC PHẦN NGOẠI NGỮ
ĐỐI TƯỢNG: HỌC VIÊN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ KHÓA 2021 - 2023
NGÀY GIỜ THI: 13 giờ ngày 02/4/2022
ĐỊA ĐIỂM: Giảng đường 5A (Tòa nhà 15 tầng)

| STT | Mã HV | Họ tên | Giới | Ngày sinh | Nơi sinh | Chuyên ngành | Số tờ | Ký tên |
|-----|-----------|-------------------------|------|------------|-----------------|--------------------|-------|--------|
| 1 | 127211166 | Đỗ Hải An | Nữ | 31/8/1995 | An Giang | Nội khoa | | |
| 2 | 127211167 | Nguyễn Trần Vĩnh An | Nam | 06/4/1996 | Cà Mau | Nội khoa | | |
| 3 | 127211168 | Trần Gia Bảo | Nam | 15/10/1993 | Bình Dương | Nội khoa | | |
| 4 | 127211169 | Trần Vi Điền | Nam | 21/6/1994 | Quảng Ngãi | Nội khoa | | |
| 5 | 127211170 | Trần Huỳnh Mỹ Duyên | Nữ | 09/6/1995 | Ninh Thuận | Nội khoa | | |
| 6 | 127211171 | Lê Đình Triều Giang | Nữ | 18/6/1994 | Ninh Thuận | Nội khoa | | |
| 7 | 127211174 | Nguyễn Thị Lan Hương | Nữ | 16/10/1996 | Hà Nội | Nội khoa | | |
| 8 | 127211177 | Phạm Thị Diễm Kiều | Nữ | 07/3/1991 | Long An | Nội khoa | | |
| 9 | 127211178 | Hà Văn Minh | Nam | 25/7/1993 | Thanh Hóa | Nội khoa | | |
| 10 | 127211179 | Phạm Tố Như | Nữ | 29/6/1996 | Đồng Nai | Nội khoa | | |
| 11 | 127211180 | Trần Âu Quế Nhung | Nữ | 17/6/1990 | Long An | Nội khoa | | |
| 12 | 127211181 | Hà Thúc Nhượng | Nam | 04/4/1983 | Bình Định | Nội khoa | | |
| 13 | 127211182 | Nguyễn Hoàng Thiên Phát | Nam | 05/11/1993 | Tiền Giang | Nội khoa | | |
| 14 | 127211183 | Trương Gia Phúc | Nam | 23/5/1995 | Phú Yên | Nội khoa | | |
| 15 | 127211184 | Trần Quyên Phương | Nữ | 30/7/1996 | An Giang | Nội khoa | | |
| 16 | 127211186 | Nguyễn Thanh Tân | Nam | 08/11/1996 | Tiền Giang | Nội khoa | | |
| 17 | 127211188 | Phan Thị Thanh Thanh | Nữ | 13/8/1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Nội khoa | | |
| 18 | 127211189 | Nguyễn Trung Công Thành | Nam | 15/6/1992 | Tp. Hồ Chí Minh | Nội khoa | | |
| 19 | 127211191 | Võ Đăng Toàn | Nam | 12/01/1995 | Bình Định | Nội khoa | | |
| 20 | 127211192 | Phan Hữu Trí | Nam | 31/10/1994 | Tp. Hồ Chí Minh | Nội khoa | | |
| 21 | 127211193 | Đoàn Quang Trường | Nam | 26/3/1994 | Thừa Thiên Huế | Nội khoa | | |
| 22 | 127211194 | Phan Duy Tùng | Nam | 23/3/1993 | Đồng Nai | Nội khoa | | |
| 23 | 127211196 | Đào Thị Hoàng Yến | Nữ | 06/10/1995 | Lâm Đồng | Nội khoa | | |
| 24 | 127211199 | Lữ Thị Thanh Hiền | Nữ | 10/02/1994 | Gia Lai | Nội khoa (Da liễu) | | |
| 25 | 127211201 | Phan Thị Lan Hương | Nữ | 27/8/1993 | Gia Lai | Nội khoa (Da liễu) | | |
| 26 | 127211202 | Huỳnh Như Huỳnh | Nữ | 20/6/1994 | Bến Tre | Nội khoa (Da liễu) | | |
| 27 | 127211203 | Danh Bảo Khánh | Nữ | 20/10/1995 | Sóc Trăng | Nội khoa (Da liễu) | | |
| 28 | 127211204 | Nguyễn Tấn Khoa | Nam | 31/10/1996 | Sóc Trăng | Nội khoa (Da liễu) | | |
| 29 | 127211205 | Lê Nguyệt Linh | Nữ | 02/10/1996 | Gia Lai | Nội khoa (Da liễu) | | |
| 30 | 127211206 | Trịnh Thị Tuyết Minh | Nữ | 11/5/1994 | Bến Tre | Nội khoa (Da liễu) | | |
| 31 | 127211207 | Huỳnh Thị Như Mỹ | Nữ | 19/6/1994 | Bình Định | Nội khoa (Da liễu) | | |
| 32 | 127211208 | Nguyễn Thị Bảo Ngọc | Nữ | 15/4/1994 | Khánh Hòa | Nội khoa (Da liễu) | | |
| 33 | 127211209 | Phan Thị Kim Ngọc | Nữ | 01/9/1996 | Bình Thuận | Nội khoa (Da liễu) | | |
| 34 | 127211210 | Nguyễn Duy Thanh | Nam | 17/7/1996 | Cà Mau | Nội khoa (Da liễu) | | |
| 35 | 127211211 | Nguyễn Trần Anh Thư | Nữ | 25/01/1995 | Quảng Nam | Nội khoa (Da liễu) | | |

| STT | Mã HV | Họ tên | Giới | Ngày sinh | Nơi sinh | Chuyên ngành | Số tờ | Ký tên |
|-----|-----------|------------------------|------|------------|-----------------|------------------------------------|-------|--------|
| 36 | 127211212 | Chung Lê Đoàn Trang | Nữ | 15/4/1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Nội khoa (Da liễu) | | |
| 37 | 127211213 | Ngô Thị Phương Uyên | Nữ | 14/7/1996 | Quảng Bình | Nội khoa (Da liễu) | | |
| 38 | 127211214 | Lương Thế Vinh | Nam | 06/7/1994 | Tp. Hồ Chí Minh | Nội khoa (Da liễu) | | |
| 39 | 127211215 | Võ Tường Thảo Vy | Nữ | 06/10/1994 | Thừa Thiên Huế | Nội khoa (Da liễu) | | |
| 40 | 127211216 | Phùng Xuân Kim Yến | Nữ | 01/02/1995 | Đắk Lắk | Nội khoa (Da liễu) | | |
| 41 | 127211217 | Châu Hồng Anh | Nữ | 01/4/1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Nội khoa (Huyết học và truyền máu) | | |
| 42 | 127211218 | Phạm Đỗ Phương Anh | Nữ | 25/11/1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nội khoa (Huyết học và truyền máu) | | |
| 43 | 127211221 | Phạm Nguyên Huân | Nam | 12/11/1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nội khoa (Huyết học và truyền máu) | | |
| 44 | 127211224 | Nguyễn Trần Quỳnh Như | Nữ | 19/8/1992 | Tp. Hồ Chí Minh | Nội khoa (Huyết học và truyền máu) | | |
| 45 | 127211228 | Nguyễn Thị Đào | Nữ | 22/12/1995 | Hà Tĩnh | Nội khoa (Lão khoa) | | |
| 46 | 127211229 | Trương Ngọc Dung | Nữ | 14/8/1995 | An Giang | Nội khoa (Lão khoa) | | |
| 47 | 127211230 | Phạm Trường Giang | Nam | 19/7/1991 | Bến Tre | Nội khoa (Lão khoa) | | |
| 48 | 127211232 | Nguyễn Thị Thúy Hằng | Nữ | 18/5/1994 | Long An | Nội khoa (Lão khoa) | | |
| 49 | 127211234 | Lê Thị Hồng Hoa | Nữ | 07/12/1995 | Bình Dương | Nội khoa (Lão khoa) | | |
| 50 | 127211235 | Lê Quốc Hưng | Nam | 19/10/1991 | Bình Thuận | Nội khoa (Lão khoa) | | |
| 51 | 127211236 | Nguyễn Quốc Huy | Nam | 25/3/1996 | Quảng Ngãi | Nội khoa (Lão khoa) | | |
| 52 | 127211239 | Nguyễn Thị Liên | Nữ | 12/12/1995 | Đắk Lắk | Nội khoa (Lão khoa) | | |
| 53 | 127211240 | Huỳnh Thị Mỹ Linh | Nữ | 26/12/1995 | Gia Lai | Nội khoa (Lão khoa) | | |
| 54 | 127211241 | Đinh Thị Na | Nữ | 02/6/1994 | Quảng Trị | Nội khoa (Lão khoa) | | |
| 55 | 127211243 | Trần Thị Mỹ Nhật | Nữ | 23/8/1994 | Tây Ninh | Nội khoa (Lão khoa) | | |
| 56 | 127211245 | Lê Trịnh Thủy Tiên | Nữ | 25/8/1988 | Tp. Hồ Chí Minh | Nội khoa (Lão khoa) | | |
| 57 | 127211246 | Nguyễn Huỳnh Quang Tín | Nam | 16/3/1993 | Long An | Nội khoa (Lão khoa) | | |
| 58 | 127211247 | Nguyễn Hoàng Bảo Trân | Nữ | 30/7/1995 | Đồng Tháp | Nội khoa (Lão khoa) | | |
| 59 | 127211248 | Trương Thị Thu Trang | Nữ | 07/9/1993 | Hậu Giang | Nội khoa (Lão khoa) | | |
| 60 | 127211249 | Trình Thực Trinh | Nữ | 25/6/1996 | Ninh Thuận | Nội khoa (Lão khoa) | | |
| 61 | 127211252 | Đỗ Nguyễn Thảo Uyên | Nữ | 26/6/1996 | Đồng Nai | Nội khoa (Lão khoa) | | |
| 62 | 127211253 | Nguyễn Hữu Vinh | Nam | 15/10/1993 | Tiền Giang | Nội khoa (Lão khoa) | | |
| 63 | 127211255 | Nguyễn Mạnh Nguyên | Nam | 08/02/1990 | Đắk Lắk | Nội khoa (Nội tiết) | | |
| 64 | 127211259 | Nguyễn Thị Huệ Thiên | Nữ | 14/01/1995 | Bình Thuận | Nội khoa (Nội tiết) | | |
| 65 | 127211264 | Hoàng Thị Diệu Nguyên | Nữ | 10/5/1993 | Tp. Hồ Chí Minh | Nội khoa (Phục hồi chức năng) | | |
| 66 | 127211265 | Hoàng Trí Phương | Nam | 22/4/1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nội khoa (Phục hồi chức năng) | | |
| 67 | 127211267 | Đặng Thị Hiền Thảo | Nữ | 25/6/1996 | Gia Lai | Nội khoa (Phục hồi chức năng) | | |
| 68 | 127211268 | Đoàn Thị Thùy Trang | Nữ | 25/4/1994 | Lâm Đồng | Nội khoa (Phục hồi chức năng) | | |
| 69 | 127211269 | Phan Minh Tuấn | Nam | 24/11/1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nội khoa (Phục hồi chức năng) | | |
| 70 | 127211270 | Phạm Ánh Minh | Nữ | 11/7/1995 | Tiền Giang | Nội khoa (Tâm thần) | | |
| 71 | 127211274 | Lương Phan Bảo Duy | Nam | 08/02/1993 | Vĩnh Long | Nội khoa (Thần kinh) | | |
| 72 | 127211275 | Nguyễn Thị Thúy Duy | Nữ | 02/9/1993 | Trà Vinh | Nội khoa (Thần kinh) | | |
| 73 | 127211277 | Huỳnh Đăng Lộc | Nam | 05/02/1992 | Quảng Nam | Nội khoa (Thần kinh) | | |
| 74 | 127211278 | Nguyễn Đình Nguyên | Nam | 20/5/1994 | Đà Nẵng | Nội khoa (Thần kinh) | | |
| 75 | 127211280 | Nguyễn Văn Đặng Sơn | Nam | 01/8/1992 | Quảng Nam | Nội khoa (Thần kinh) | | |
| 76 | 127211281 | Lê Nhựt Tân | Nam | 13/7/1996 | Cần Thơ | Nội khoa (Thần kinh) | | |

| STT | Mã HV | Họ tên | Giới | Ngày sinh | Nơi sinh | Chuyên ngành | Số tờ | Ký tên |
|-----|-----------|------------------------|------|------------|-----------------|----------------------|-------|--------|
| 77 | 127211284 | Phạm Phước Tuấn | Nam | 19/10/1995 | Đà Nẵng | Nội khoa (Thần kinh) | | |
| 78 | 127211285 | Trần Thị Ngọc Anh | Nữ | 29/7/1995 | Hải Phòng | Sản phụ khoa. | | |
| 79 | 127211286 | Nguyễn Phạm Ngọc Châu | Nữ | 14/02/1996 | Thừa Thiên Huế | Sản phụ khoa. | | |
| 80 | 127211287 | Võ Trần Châu | Nữ | 15/9/1996 | Tiền Giang | Sản phụ khoa. | | |
| 81 | 127211288 | Qua Qua Nhị Chí Chinh | Nam | 02/5/1992 | Bình Thuận | Sản phụ khoa. | | |
| 82 | 127211289 | Hà Quang Điền | Nam | 02/11/1991 | Trà Vinh | Sản phụ khoa. | | |
| 83 | 127211290 | Đào Tuấn Dũng | Nam | 11/4/1995 | Sông Bé | Sản phụ khoa. | | |
| 84 | 127211292 | Trần Thị Tuyết Hạnh | Nữ | 10/3/1996 | Bình Thuận | Sản phụ khoa. | | |
| 85 | 127211293 | Lê Thị Minh Hiền | Nữ | 20/12/1990 | Đắk Lắk | Sản phụ khoa. | | |
| 86 | 127211294 | Nguyễn Thị Kim Hiền | Nữ | 26/01/1995 | Kiên Giang | Sản phụ khoa. | | |
| 87 | 127211296 | Huỳnh Kha | Nữ | 05/10/1995 | Bạc Liêu | Sản phụ khoa. | | |
| 88 | 127211298 | Nguyễn Tuấn Lộc | Nam | 24/9/1996 | Gia Lai | Sản phụ khoa. | | |
| 89 | 127211300 | Nguyễn Thái Bình Minh | Nữ | 09/01/1994 | Tp. Hồ Chí Minh | Sản phụ khoa. | | |
| 90 | 127211301 | Trần Văn Nam | Nam | 17/6/1995 | An Giang | Sản phụ khoa. | | |
| 91 | 127211302 | Nguyễn Xuân Nghĩa | Nam | 17/3/1995 | Thanh Hóa | Sản phụ khoa. | | |
| 92 | 127211303 | Huỳnh Thị Thanh Nguyệt | Nữ | 17/01/1996 | Ninh Thuận | Sản phụ khoa. | | |
| 93 | 127211306 | Châu Thị Xuân Thảo | Nữ | 19/5/1995 | Long An | Sản phụ khoa. | | |
| 94 | 127211307 | Trần Hoàng Thống | Nam | 07/3/1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Sản phụ khoa. | | |
| 95 | 127211308 | Nguyễn Thị Thủy | Nữ | 06/4/1996 | Nghệ An | Sản phụ khoa. | | |
| 96 | 127211309 | Dương Thùy Trang | Nữ | 07/11/1996 | Gia Lai | Sản phụ khoa. | | |
| 97 | 127211310 | Nguyễn Thị Kim Tuyến | Nữ | 04/10/1993 | Tiền Giang | Sản phụ khoa. | | |
| 98 | 127211311 | Dương Kim Thiện Uyên | Nữ | 07/7/1995 | Sóc Trăng | Sản phụ khoa. | | |
| 99 | 127211312 | Nguyễn Cao Vân | Nữ | 12/8/1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Sản phụ khoa. | | |
| 100 | 127211313 | Trương Thanh Vị | Nữ | 09/01/1994 | Kiên Giang | Sản phụ khoa. | | |
| 101 | 127211314 | Nguyễn Hoàng Vũ | Nam | 26/02/1995 | Đà Nẵng | Sản phụ khoa. | | |
| 102 | 127211316 | Đặng Quốc Bảo | Nam | 26/01/1994 | Lâm Đồng | Tai - Mũi - Họng. | | |
| 103 | 127211317 | Nguyễn Thị Thiện Bình | Nữ | 07/12/1995 | Khánh Hòa | Tai - Mũi - Họng. | | |
| 104 | 127211318 | Lý Văn Cum | Nam | 17/8/1994 | Kiên Giang | Tai - Mũi - Họng. | | |
| 105 | 127211319 | Nguyễn Văn Đăng | Nam | 04/01/1984 | Đồng Tháp | Tai - Mũi - Họng. | | |
| 106 | 127211321 | Lê Quang Đức | Nam | 26/8/1996 | Sông Bé | Tai - Mũi - Họng. | | |
| 107 | 127211322 | Lê Văn Hải | Nam | 12/12/1995 | Hải Dương | Tai - Mũi - Họng. | | |
| 108 | 127211323 | Châu Ngọc Hân | Nữ | 05/11/1996 | Tiền Giang | Tai - Mũi - Họng. | | |
| 109 | 127211324 | Lê Huy Hoàng | Nam | 20/11/1996 | Kiên Giang | Tai - Mũi - Họng. | | |
| 110 | 127211327 | Lưu Nguyễn An Khương | Nam | 14/10/1996 | Vĩnh Long | Tai - Mũi - Họng. | | |
| 111 | 127211329 | Nguyễn Đỗ An Nhiên | Nữ | 14/6/1994 | Đắk Lắk | Tai - Mũi - Họng. | | |
| 112 | 127211330 | Trần Trọng Phát | Nam | 21/8/1996 | Quảng Ngãi | Tai - Mũi - Họng. | | |
| 113 | 127211332 | Đỗ Hoàng Phong | Nam | 27/4/1994 | Đồng Tháp | Tai - Mũi - Họng. | | |
| 114 | 127211333 | Nguyễn Minh Phước | Nam | 26/9/1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Tai - Mũi - Họng. | | |
| 115 | 127211334 | Nguyễn Đăng Quang | Nam | 15/02/1994 | Tp. Hồ Chí Minh | Tai - Mũi - Họng. | | |
| 116 | 127211335 | Huỳnh Chí Thành | Nam | 26/3/1996 | Bạc Liêu | Tai - Mũi - Họng. | | |
| 117 | 127211336 | Trần Huỳnh Thu Thảo | Nữ | 02/10/1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Tai - Mũi - Họng. | | |

| STT | Mã HV | Họ tên | Giới | Ngày sinh | Nơi sinh | Chuyên ngành | Số tờ | Ký tên |
|-----|-----------|-------------------------|------|-----------|-----------------|-------------------|-------|--------|
| 118 | 127211337 | Nguyễn Lê Vĩnh Thuận | Nam | 15/7/1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Tai - Mũi - Họng. | | |
| 119 | 127211338 | Lê Mỹ Thương | Nữ | 16/5/1995 | Bến Tre | Tai - Mũi - Họng. | | |
| 120 | 127211339 | Lê Nguyễn Trọng Tín | Nam | 16/7/1996 | Đồng Tháp | Tai - Mũi - Họng. | | |
| 121 | 127211340 | Trần Dương Phương Trinh | Nữ | 01/7/1996 | Sóc Trăng | Tai - Mũi - Họng. | | |
| 122 | 127211341 | Nguyễn Huyền Vi | Nữ | 01/5/1990 | Đắk Lắk | Tai - Mũi - Họng. | | |

Ấn định danh sách 122 học viên

TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC

Hiện diện:

Vắng mặt:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2